TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM THAO** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/ DS -ST
Ngày: 15/7/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thanh Loan

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Gia Phượng và ông Nguyễn Tiến Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 15/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2024/TLST- DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐST - DS ngày 24 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-DS ngày 10/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-DS ngày 24/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2024/QĐST-DS ngày 09/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1968. Địa chỉ: Khu T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo ủy quyền cho cho ông Nguyễn Hữu H: Bà Nguyễn Thị Thu H1.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H2, sinh năm 1968. Địa chỉ: Khu T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ

(Bà H1 có mặt; bà H2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thu H1 trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, bà H1 và ông H đã 02 lần cho bà Nguyễn Thị Thanh H2 vay với tổng số tiền là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng).

- Lần 1: Ngày 31/12/2008 bà H2 vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Thời gian vay 10 ngày, lãi suất theo thỏa thuận.

- Lần 2: Ngày 16/3/2009 bà H2 vay tiếp số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Thời gian vay 10 ngày, lãi suất theo thỏa thuận.

Đến ngày 12/02/2010, bà H2 trả cho ông H, bà H1 số tiền gốc 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi là 10.000.000 đ (Mười triệu đồng). Số tiền còn lại bà H2 còn nợ ông bà là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Khi vay bà H2 có nói dùng để cho những người muốn đảo vốn ngân hàng mượn. Kể từ sau ngày 12/02/2010, bà H1 đã đòi bà H2 nhiều lần nhưng bà H2 đều khất, không trả cho ông bà khoản tiền gốc và lãi nào nữa.

Nay ông H và bà H1 yêu cầu bà H2 phải trả đủ cho ông bà số tiền nợ gốc còn lại là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Đối với khoản lãi suất ông H, bà H1 đã đề nghị tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H1 không yêu cầu bà H2 phải trả lãi.

Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải, bà Nguyễn Thị Thanh H2 (bị đơn) trình bày:

Do có mối quan hệ bạn bè nên ngày 31/12/2008 và ngày 16/3/2009 bà có vay của vợ chồng ông H bà H1 tổng số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng). Đến ngày 12/02/2010 bà có trả cho vợ chồng H, H1 số tiền gốc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng chẵn) và tiền lãi là 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn). Đến nay số tiền nợ còn lại là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn).

Số tiền trên bà vay hộ ông T, ở thị trấn P, P, Phú Thọ. Trong quá trình làm ăn cùng ông H, bà H1, ông bà đã nói cho bà H2 toàn bộ số tiền này. Do tin tưởng là bạn bè, bà H2 không rút giấy tờ vay nhưng từ năm 2008, 2009 đến nay ông bà H, H1 không đòi tiền bà và cũng không có ý kiến gì.

Tháng 4/2024, ông H, bà H1 khởi kiện đòi nợ, tại bản tự khai ngày 24/4/2024 bà H2 đề nghị bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; sau đó tại phiên hòa giải cùng ngày 24/4/2024, bà H2 có quan điểm khi nào bà đòi được tiền của ông T bà sẽ trả cho ông bà H, H1. Bà H2 đề nghị bà H1 không tính lãi.

Khi vay tiền, bà có ghi trên giấy vay tiền mà bà H1 đã xuất trình tại Tòa án là Nguyễn Thị H2. Sau đó bà có làm căn cước công dân tên đầy đủ của bà là Nguyễn Thị Thanh H2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Thu H1 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh H2 phải trả số tiền gốc đã vay của ông H

và bà H1 là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn). Căn cứ Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ, căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Bà H2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai (không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà H2 là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện, phạm vi khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Thu H1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh H2 trả nợ khoản tiền vay 500.000.000đ nợ gốc và lãi phát sinh, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về khoản tiền vay nợ gốc: Bà H1 và bà H2 đều thống nhất thừa nhận, ông H, bà H1 đã cho bà H2 vay tiền 02 lần, lần 1 vào ngày 31/12/2008 với số tiền vay là 200.000.000đ; lần 2 với số tiền vay là 500.000.000đ. Tổng số tiền bà H2 vay ông H, bà H1 là 700.000.000đ. Ngày 12/02/2010, bà H2 đã trả là 200.000.000đ, số tiền gốc bà H2 còn nợ là 500.000.000đ. Bà H2 xác định mục đích vay số tiền trên là để bà cho ông T (bạn của bà) ở thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ mượn. Bà H2 cho rằng, trong quá trình làm ăn, bà H1 và ông H đã cho bà số tiền nợ này nhưng bà H1 không thừa nhận. Bà H2 cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh ông H và bà H1 đã cho bà số tiền nợ trên. Bà H2 đề nghị khi nào bà đòi được tiền của ông T, bà sẽ trả nợ là không có cơ sở bởi lẽ: bà là người trực tiếp hỏi vay tiền và nhận tiền từ ông H, bà H1 và trực tiếp viết giấy nhận nợ. Tại giấy biên nhận tiền thể hiện việc giao dịch vay mượn tiền diễn ra giữa cá nhân bà H2, ông H và bà H1, không liên quan đến ông T. Việc bà sử dụng khoản tiền để cho ông T vay được xác định là một giao dịch dân sự khác, không liên quan đến giao dịch bà H1, ông H cho bà vay tiền. Thời hạn vay các bên thỏa thuận sau 10 ngày sẽ trả. Do bà H2 không thanh toán được khoản nợ đúng thời hạn như đã thỏa thuận, vì vậy, ông H, bà H1 khởi kiện yêu cầu bà H2 phải trả cho ông bà khoản tiền nợ gốc nói trên là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2]. Đối với yêu cầu tính lãi suất: Tại đơn khởi kiện, bà H1 và ông H đề nghị bà H2 phải trả lãi khoản vay theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H1 có quan điểm không đề nghị bà H2 phải trả lãi khoản vay trên. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông H và bà H1 được chấp nhận nên bà H2 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 465, Điều 466, Điều 468, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Thu H1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh H2 trả khoản nợ vay.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H2 phải trả cho ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Thu H1 số tiền nợ là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H2 phải chịu 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng chẵn) tiền án phí.

Ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Thu H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông H và bà H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng chẵn) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0001646 ngày 12/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
VKSND tỉnh, huyện;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- Lưu HS
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thanh Loan